

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 16/2022/HSST
Ngày 29/3/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Sang.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Trình – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 14/3/2022 đối với bị cáo:

Trương Văn D, sinh năm: 1993. Tại: Huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Trú tại: Tổ 3, thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông: Trương Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969;

Vợ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1996, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 27/7/2012, bị TAND huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Ngày 19/4/2016, bị TAND thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phan Văn P, sinh năm: 1971

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Thanh V, sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Nguyễn Văn B (Sơn), sinh năm: 1966

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

3. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1996

Trú tại: Tổ 3, thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

4. Anh Phan Văn H, sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987

Trú tại: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

(Ông P, ông B và anh H có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/9/2021, Trương Văn D đang ở nhà thì nảy sinh ý định đi đến khu vực hồ thủy lợi Đông Tiễn thuộc Tổ 7, thôn V, xã B, huyện T để trộm cắp bò bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, D đến nhờ anh Phan Thanh V thuê xe tải qua huyện T chở 02 (hai) con bò đang được gửi nuôi ở nhà dì về bán thì V đồng ý và V điện thoại cho ông Nguyễn Văn B nhờ ông B thuê giúp xe tải chở bò và ông B đồng ý. Sau đó, ông B gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn H thuê xe tải biển kiểm soát (BKS) 92C-138.96 (do Hưng là chủ sở hữu) để đi chở bò cho D. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Trương Văn D điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, BKS 92N3-3765 (do chị Nguyễn Thị Kim T vợ của D là chủ sở hữu) đến nhà ông B thì gặp anh H lái xe tải đang đứng đợi tại đây nên D xin số điện thoại và nói H chạy xe lên tới chợ Hà Châu thuộc xã B, huyện T chở bò về giúp D. Tiếp đó, D điều khiển xe mô tô từ huyện P ra huyện T đến khu vực hồ Đông Tiễn thì dừng xe lại, D đi bộ xuống gần lòng hồ thì thấy có 04 (bốn) con bò của anh Phan Văn P đang được cột dây ăn cỏ tại đây nhưng không có ai trông coi. D liền đi lại chỗ cột dây 04 (bốn) con bò và mở dây dắt 01 (một) con bò cái lông màu đỏ ở vị trí ngoài cùng rồi mở dây cho 01 (một) con bò đực lông màu đỏ đứng gần đó, khi D dắt con bò cái lên cột ở rừng keo gần đường thì con bò đực cũng đi theo lên ăn cỏ gần đó. Sau khi dắt trộm được 02 (hai) con bò thì D điều khiển xe mô tô xuống chợ Hà Châu dẫn đường cho H chạy xe tải lên chở bò về. Tại đây, D và H đưa 02 (hai) con bò lên thùng xe ô tô tải BKS 92C – 138.96 rồi chở bò về nhà V tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và nhờ V tìm người bán giúp 02 (hai) con bò. Lúc này, V gọi điện cho ông B đến để mua bò, ông B đến và thống nhất mua 02 (hai) con bò mà D trộm cắp được với giá 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) nhưng đưa trước 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) còn 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) hẹn ngày hôm sau sẽ trả thì V và D đồng ý. Khi ông B ra về thì V đưa cho ông B 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) trả tiền xe cho anh H còn lại 29.500.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) thì V đưa hết cho D. Sau đó, D cho lại V 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và giữ lại 24.500.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này D đã tiêu xài cá nhân hết. Đến 23 giờ cùng ngày, Phan Thanh V đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSTB-HS ngày 15/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trương Văn D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên Tòa bị cáo Trương Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Do muốn có tiền tiêu xài, trước đó vài hôm bị cáo đi đến địa phận huyện T và thấy có bò người dân nuôi không ai

trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp về bán. Hôm sau bị cáo nhờ V gọi thuê xe tải để chở bò và nhờ tìm người mua bò. Bị cáo đến địa phận xã B, huyện T trộm cắp và chở về xã T huyện P. Sau đó bán hai con bò với giá 45.000.000 đồng. Bị cáo nhận trước 30.000.000 đồng. Bị cáo cho V 5.000.000 đồng, trả tiền thuê xe 500.000 đồng. Còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân đến chiều thì hết, sau đó bị phát hiện. Bị cáo khai nhận không nói cho V biết bò do bị cáo trộm mà nói của bà Dì bên xã B, huyện T. Bị cáo không cho chở bò về nhà bị cáo sợ vợ bị cáo biết là trộm cắp. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, các con còn nhỏ. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Lời khai của bị hại Phan Văn P: Vào lúc 05 giờ ngày 01/9/2021 anh P dắt 05 con bò đi lên lòng hồ thủy lợi Đông Tiễn để cột cho ăn. Đến 10 giờ cùng ngày anh P lên thăm bò lúc đó bò vẫn còn đủ. Đến 12 giờ trưa cùng ngày anh P lên thăm bò thì đã thấy mất 02 con bò và có thấy một xe tải chở 02 con bò của anh chạy ngang qua nhà. Sau đó anh báo cáo với cơ quan Công an. Hiện nay anh P đã nhận lại 02 con bò và không yêu cầu gì thêm.

Lời khai của Phan Thanh V có trong hồ sơ: Giữa anh Vũ và bị cáo D là bạn bè ngoài xã hội, chiều ngày 31/8/2021, bị cáo D có nhờ V thuê xe để chở 02 con bò và nói với V là bò nuôi chung với Dì bên Thăng Bình. Sáng ngày 01/9/2021 bị cáo D gọi điện hỏi V có thuê xe được chưa và D đã gọi cho ông B (người mua bò) nói thuê xe để chở bò. Sau đó đến trưa thì D chở bò về nhà anh của V và V gọi cho ông B đến bán bò. Khi ông B đến V ra giá 60.000.000 đồng cho 02 con bò, ông B trả giá 45.000.000 đồng. Vũ có bảo D bán 01 con đủ tiền chuộc xe và điện thoại, nhưng D đề nghị bán cả 02 con bò. Bị cáo D và V thống nhất bán cả 02 con bò. Ông B có đưa trước số tiền 30.000.000 đồng và hẹn ngày hôm sau trả số tiền 15.000.000 đồng còn lại. V lấy số tiền 500.000 đồng trả tiền thuê xe, số còn lại đưa cho D. D cho Vũ số tiền 5.000.000 đồng. Đến chiều V chở D đi chuộc lại xe và điện thoại do D cầm trước đó. V khai không biết bò do D trộm cắp mà có. Hiện nay đã V đã nộp lại số tiền 3.900.000 đồng.

Lời khai của ông Nguyễn Văn B: Hôm ngày 01/9/2021 có một thanh niên gọi điện thoại cho tôi xưng là bạn con trai tôi và con ông Sáu hay bán bò cho tôi nhờ tôi kêu giúp một xe tải chở bò và hỏi tôi mua bò không. Bò này do thanh niên đó mua ở Thăng Bình. Sau đó V nhiều lần gọi tôi, hỏi thúc tôi mua bò. Khi tôi đến nơi thì bò cột phía sau nhà và V nói 02 con bò giá 60.000.000 đồng và tôi trả 45.000.000 đồng thì V đồng ý bán. Tôi đưa trước 30.000.000đ, hẹn còn lại 15.000.000 đồng ngày mai đưa đủ. Ông B khai không biết được 02 con bò do trộm cắp mà có. Hơn nữa khi mua thì cả hai con và họ cho nợ lại 15.000.000 đồng nên tôi không nghi ngờ. Hiện nay 02 con bò đã trả lại cho chủ sở hữu và ông yêu cầu nhận lại số tiền 29.850.000 đồng.

Lời khai của Nguyễn Văn H: Tôi thường hay đi chở bò cho ông B, hôm đó ông B gọi thuê xe tôi để đi chở bò và tôi đồng ý. Sau đó có một thanh niên gọi tôi đi theo sự hướng dẫn và đến hồ thủy điện chở hai con bò đang cột về Tam Lộc. Sau đó thì chở về nhà ông B. Tiền thuê xe của tôi là 350.000 đồng ông B đã đưa cho tôi. Tôi không biết bò đó do thanh niên trộm cắp mà có, tôi chỉ đi chở thuê cho ông B và lấy tiền xăng xe.

Lời khai của chị Nguyễn Thị Kim T có trong hồ sơ: Chiếc xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, BKS 92N3-3765, là của tôi mua lại vào năm 2009 trước khi tôi có chồng là bị cáo D. Xe đó mua về hai vợ chồng tôi sử dụng chung, hôm đó chồng tôi lấy xe đi còn tôi thì ở nhà giữ con. Sau này tôi mới biết chồng tôi dùng xe đi trộm cắp. Hiện nay tôi đã nhận lại chiếc xe mô tô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn. Tình tiết tăng nặng: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo: Trương Văn D phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trương Văn D từ 18 đến 24 tháng tù.

* Những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với anh Phan Thanh V, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn H đã có hành vi giúp sức và tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, những người này không biết 02 (hai) con bò trên là do D trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có cơ sở;

- Đối với chị Nguyễn Thị Kim T khi cho Trương Văn D mượn xe mô tô Wave, màu xanh, BKS 92N3-3765, chị T không biết D điều khiển xe mô tô này để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục quy trừ số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) để đảm bảo việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã trộm cắp của anh Phan Văn P 02 con bò.

- Căn cứ vào lời khai của bị hại, người liên quan, nhân chứng và các cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 30/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định giá trị 02 (hai) con bò mà Trương Văn D trộm cắp của anh Phan Văn P có giá trị là 47.150.000đ (bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 01/9/2021, bị cáo Trương Văn D đi đến khu vực hồ thủy lợi Đông Tiến thuộc Tổ 7, thôn V, xã B, huyện T thì thấy có 04 (bốn) con bò của anh Phan Văn P đang được cột dây ăn cỏ tại đây nhưng không có ai trông coi nên D đã trộm cắp 02 (hai) con bò và chở bò về xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 47.150.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) thì bị phát hiện.

Như vậy, hành vi, hậu quả của bị cáo Trương Văn D gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trương Văn D.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ. Bị cáo D là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo đã thể hiện sự liều lĩnh khi thực hiện hành vi tội phạm giữa ban ngày, tổng trị giá tài sản là 47.150.000 đồng. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Trương Văn D xuất thân là nhân dân lao động. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho bị hại. Về nhân thân bị cáo D có nhân thân không tốt vào ngày 27/7/2012, bị TAND huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 19/4/2016, bị TAND thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo vẫn không tu chí làm ăn. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là lớn. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn nhất định. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để Cơ quan chức năng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Đối với Phan Thanh V, cáo trạng quy kết đã có hành vi giúp sức và tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, Phan Thanh V không biết 02 (hai) con bò trên là do D trộm cắp mà có nên các cơ quan tiến hành tố tụng không đề cập xử lý. Trong gia đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T để điều tra bổ sung tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội đối với Phan Thanh V. Viện kiểm sát nhân dân huyện T không chấp nhận việc trả hồ sơ và giữ nguyên cáo trạng. Do giới hạn của việc xét xử theo quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo Trương Văn D. Đồng thời kiến nghị cấp Phúc thẩm, cấp Giám đốc thẩm xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Thanh V để xử lý theo đúng quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Phan Văn P đã nhận lại tài sản là 02 con bò bị mất trộm và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Anh Nguyễn Văn H đã nhận từ ông Nguyễn Văn B số tiền thuê xe 350.000đồng. Đây là chi phí cho xăng xe vận chuyển bò trộm cắp, là chi phí hợp lý của anh H. Anh H không biết việc bị cáo trộm cắp bò nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền anh H nhận là đúng và bị cáo phải chịu trả số tiền này.

- Số tiền còn lại ông B đã trả khi mua bò là 29.850.000đồng. Buộc bị cáo Trương Văn D phải trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 24.850.000đồng. Buộc Phan Thanh V phải trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 1.100.000đồng, giao số tiền 3.900.000đồng Phan Thanh V đã nộp lại tại biên lai thu số 0003530 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (mang tên người nộp Nguyễn Tấn Văn Diễn).

- Đối với ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn H đã có hành vi giúp sức và tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, những người này không biết 02 (hai) con bò trên là do D trộm cắp mà có nên các cơ quan tiến hành tố tụng huyện T không đề cập xử lý là thỏa đáng;

[6] Về vật chứng trong vụ án:

- Đã trả lại hai con bò cho chủ sở hữu là Phan Văn P là thỏa đáng.

- Đối với xe mô tô Wave, màu xanh, BKS 92N3-3765, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Đây là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Kim T, bị cáo D sử dụng đi trộm cắp chị Tình không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chị Tình là thỏa đáng.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Trương Văn D** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Trương Văn D 24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên :

- Buộc bị cáo Trương Văn D phải trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 24.850.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)

- Buộc Phan Thanh V phải trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng)

- Giao số tiền 3.900.000 đồng Phan Thanh V đã nộp lại tại biên lai thu số 0003530 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (mang tên người nộp Nguyễn Tấn Văn D) cho ông Nguyễn Văn B.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Trương Văn D trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 29/3/2022.

* Kiến nghị cấp Phúc thẩm, cấp Giám đốc thẩm xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Thanh V để xử lý theo đúng quy định pháp luật.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo Trương Văn D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành

